



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 36

\*\*\*\*\*

M.S.C.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần CMVIETNAM (trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 16 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính, trong đó thay đổi lần 16 ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 357 38555
- Fax : 024 385 64666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Sơn Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Dương Ngọc Trường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2020

**Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Sơn Hùng	Trưởng ban	Ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	Ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Ngày 09 tháng 5 năm 2018

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2007
Bà Đinh Thị Thùy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017



### **Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019).

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
**Tổng Giám đốc**



*Signature*

**Kim Ngọc Nhân**

Ngày 23 tháng 8 năm 2021



Số: 2.0499/21/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 8 năm 2021, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

- Các chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, “Trả trước cho người bán ngắn hạn” và “Phải trả người bán ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 đang theo dõi một số khoản công nợ đã phát sinh lâu ngày, với số dư lần lượt là 13.927.265.023 VND, 264.820.000 VND và 8.917.779.406 VND (không thay đổi so với số đầu năm). Do đó, Công ty không thực hiện được thủ tục đối chiếu xác nhận nợ với các bên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về các số dư này, cũng như đánh giá ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty (nếu có).
- Chỉ tiêu “Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 đang theo dõi số dư Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Công trình Sông Bạc với số tiền là 21.361.631.990 VND, phát sinh từ năm 2013. Chúng tôi chưa nhận được các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng ghi nhận doanh thu của công trình này. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khả năng ghi nhận doanh thu tương ứng với giá trị dở dang của công trình này, cũng như số dự phòng tổn thất cần trích lập (nếu có).

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>175.155.241.228</b>	<b>227.156.013.867</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.039.004.965</b>	<b>12.973.035.049</b>
1. Tiền	111		3.039.004.965	4.973.035.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>42.465.430.322</b>	<b>55.202.734.607</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	42.465.430.322	55.202.734.607
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>55.605.101.962</b>	<b>82.073.120.201</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	41.994.638.230	54.045.383.585
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.039.864.607	21.329.271.249
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	7.625.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	50.445.853.481	47.948.719.723
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(48.875.254.356)	(48.875.254.356)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>61.082.315.981</b>	<b>65.867.130.036</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	61.082.315.981	65.867.130.036
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.963.387.998</b>	<b>11.039.993.974</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.204.636.278	254.524.248
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.372.097.015	10.785.469.726
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	386.654.705	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>201.556.941.260</b>	<b>157.617.474.414</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>27.813.333.762</b>	<b>27.265.386.429</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	27.709.833.762	27.161.886.429
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	103.500.000	103.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.383.951.005</b>	<b>5.272.503.816</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	3.324.605.395	5.202.685.458
<i>Nguyên giá</i>	222		37.524.886.963	37.963.486.963
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(34.200.281.568)	(32.760.801.505)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	59.345.610	69.818.358
<i>Nguyên giá</i>	228		247.455.000	247.455.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(188.109.390)	(177.636.642)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>170.128.248.749</b>	<b>124.912.111.784</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	112.154.570.000	62.954.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	60.900.000.000	60.900.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(13.469.048.137)	(9.485.185.102)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	10.542.726.886	10.542.726.886
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>231.407.744</b>	<b>167.472.385</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	231.407.744	167.472.385
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>376.712.182.488</b>	<b>384.773.488.281</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>195.036.629.627</b>	<b>198.664.088.505</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>181.071.726.394</b>	<b>185.326.282.318</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	64.258.832.222	60.753.469.599
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	61.363.478.612	94.075.574.471
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	717.326.327	1.814.519.694
4. Phải trả người lao động	314		4.411.340.014	4.858.314.091
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	6.786.423.913	6.761.109.990
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	V.16	3.317.468.953	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	692.638.873	692.638.873
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.137.003.091	3.406.159.874
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	37.313.963.077	11.891.244.414
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.073.251.312	1.073.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.964.903.233</b>	<b>13.337.806.187</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	13.964.903.233	13.337.806.187
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>181.675.552.861</b>	<b>186.109.399.776</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>181.675.552.861</b>	<b>186.109.399.776</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(211.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.392.289.299	5.392.289.299
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.495.213.562	8.929.060.477
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.929.060.477	8.929.060.477
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.433.846.915)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>376.712.182.488</b>	<b>384.773.488.281</b>

Lập, ngày 23 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CMVIETNAM  
Q. BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân



# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	77.598.633.073	153.491.246.581
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	77.598.633.073	153.491.246.581
4. Giá vốn hàng bán	11		76.242.756.633	146.881.611.947
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.355.876.440	6.609.634.634
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.085.051.354	2.331.067.525
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.835.583.982	4.255.618.834
Trong đó: chi phí lãi vay	23		574.566.933	178.828.322
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.785.168.253	5.463.739.867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.179.824.441)	(778.656.542)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.231.416.149	3.849.052.725
12. Chi phí khác	32	VI.7	485.438.623	3.411.294.371
13. Lợi nhuận khác	40		1.745.977.526	437.758.354
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.433.846.915)	(340.898.188)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.433.846.915)	(340.898.188)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 23 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4.433.846.915)	(340.898.188)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10,11	1.888.552.811	3.767.062.996
- Các khoản dự phòng	03	V.2b	3.983.863.035	3.304.659.348
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	76.572.183	(80.744.077)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.814.491.614)	(2.297.114.118)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	574.566.933	178.828.322
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		275.216.433	4.531.794.283
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.396.886.052	7.012.560.618
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.784.814.055	39.277.442.657
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(27.711.098.392)	(29.383.243.818)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.014.047.389)	5.208.321.460
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(549.253.010)	(265.692.267)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.364.393.072)	(2.163.807.481)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(9.181.875.323)</b>	<b>24.217.375.452</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		72.727.273	636.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.700.000.000)	(8.878.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.325.000.000	14.017.166.490
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(49.200.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.355.978.801	1.559.169.218
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(26.146.293.926)</b>	<b>7.334.699.344</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	106.123.126.611	4.394.218.941
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(80.700.407.948)	(34.801.074.461)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>25.422.718.663</b>	<b>(30.406.855.520)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(9.905.450.586)</b>	<b>1.145.219.276</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>12.973.035.049</b>	<b>8.382.782.984</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(28.579.498)	(14.981.674)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>3.039.004.965</b>	<b>9.513.020.586</b>

Lập, ngày 23 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân



# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết	Số 83 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	60%	60%	60%

#### *Các Công ty liên kết*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Số 33A Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ khách sạn	38,47%	38,47%	38,47%
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin	Tầng 22, tòa nhà PVI, số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	23,32%	23,32%	23,32%

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

6. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Do ảnh hưởng của dịch Covid 19, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Doanh thu trong nước cũng như ở nước ngoài đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Kết quả hoạt động kinh doanh lỗ trong kỳ.
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**  
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.
8. **Nhân viên**  
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 90 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 86 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Các giao dịch bằng ngoại tệ**  
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

#### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ - Giá vốn kết chuyển trong kỳ, trong đó

$$\text{Giá vốn kết chuyển trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Doanh thu trong kỳ}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### *Chi phí trả trước khác*

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### *Nhãn hiệu, tên thương mại*

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- ~~Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.~~
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 11. **Vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 14. **Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

*Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:*

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### 15. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	22.103.050	868.597
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.016.901.915	4.972.166.452
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.039.004.965</b>	<b>12.973.035.049</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây đều có giá gốc bằng giá trị ghi sổ:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>42.465.430.222</b>	<b>55.202.734.607</b>
Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(i)</sup>	42.465.430.222	55.202.734.607
<b>Dài hạn</b>	<b>10.542.726.986</b>	<b>10.542.726.886</b>
Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(i)</sup>	5.982.726.986	5.982.726.886
Trái phiếu <sup>(ii)</sup>	4.560.000.000	4.560.000.000
<b>Cộng</b>	<b>53.008.157.208</b>	<b>65.745.461.493</b>

(i) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội với tổng số tiền 31.668.253.377 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng này.

(ii) 456 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ngày 14 tháng 12 năm 2017, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm với lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,2%/năm. Trái phiếu này đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>112.154.570.000</b>	<b>(3.603.362.581)</b>	<b>62.954.570.000</b>	<b>(3.603.362.581)</b>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại <sup>(i)</sup>	21.030.000.000	(3.603.362.581)	21.030.000.000	(3.603.362.581)
Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường <sup>(ii)</sup>	41.924.570.000	-	41.924.570.000	-
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết <sup>(iii)</sup>	49.200.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>60.900.000.000</b>	<b>(9.865.685.556)</b>	<b>60.900.000.000</b>	<b>(5.881.822.521)</b>
Công ty Cổ phần CM Nha Trang <sup>(iv)</sup>	47.700.000.000	(1.598.351.760)	47.700.000.000	(5.881.822.521)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin <sup>(v)</sup>	13.200.000.000	(8.267.333.796)	13.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>173.054.570.000</b>	<b>(13.469.048.137)</b>	<b>123.854.570.000</b>	<b>(9.485.185.102)</b>

(i) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây lắp Nam Việt (nay là Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại) 21.030.000.000 VND, trong đó 100% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại chưa thực hiện thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh về loại hình doanh nghiệp.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 ngày 02 tháng 10 năm 2014, thay đổi lần thứ 03 ngày 13 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp, Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 3.421.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường, chiếm 68,44% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3401218048 ngày 09 tháng 02 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, Công ty Cổ phần CM Phan Thiết có vốn điều lệ là 82.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần CM Phan Thiết 49.200.000.000 VND, sở hữu 4.920.000 cổ phiếu, chiếm 60% vốn điều lệ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201758312 ngày 06 tháng 9 năm 2017, thay đổi lần thứ 04 ngày 23 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty Cổ phần CM Nha Trang có vốn điều lệ là 124.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần CM Nha Trang 47.700.000.000 VND, sở hữu 4.770.000 cổ phiếu, chiếm 38,47% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313729344 ngày 01 tháng 04 năm 2016, thay đổi lần thứ 8 ngày 22 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin có vốn điều lệ là 56.600.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin 13.200.000.000 VND, sở hữu 1.320.000 cổ phiếu, chiếm 23,32% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

### Giá trị hợp lý

Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tương ứng 27.368.000.000 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

	Tình hình hoạt động
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Đã dừng hoạt động nhưng chưa đóng mã số thuế
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thu hẹp quy mô hoạt động. Không có doanh thu chính trong kỳ
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết	Đang trong quá trình đầu tư chưa phát sinh doanh thu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Đang trong quá trình đầu tư chưa phát sinh doanh thu
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này lỗ do ảnh hưởng của dịch Covid 19

### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	9.485.185.102	4.964.842.523
Trích lập dự phòng bổ sung	3.983.863.035	3.304.659.348
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>13.469.048.137</b>	<b>8.269.501.871</b>

### Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần CM Nha Trang</b>		
Thu tiền cho vay	7.625.000.000	-
Thu lãi cho vay	547.973.612	-
Cho vay	-	3.400.000.000
Lãi cho vay	-	203.729.167
Doanh thu cho thuê xe	-	120.000.000
Doanh thu xây lắp	-	12.092.152.002

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần CM Phan Thiết</i>		
Góp vốn	49.200.000.000	-
<b>3. Phải thu của khách hàng</b>		
<b>3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	20.358.712.525
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	-	20.358.712.525
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	41.994.638.230	33.686.671.060
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	8.219.169.047	8.219.169.047
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Bạc (*)	13.927.265.023	13.927.265.023
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	4.210.345.481	4.210.345.481
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh	4.759.662.000	-
Các khách hàng khác	10.878.196.679	7.329.891.509
<b>Cộng</b>	<b>41.994.638.230</b>	<b>54.045.383.585</b>
<b>Trong đó:</b>		
(*) Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	13.927.265.023	13.927.265.023
<b>3b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	27.709.833.762	27.161.886.429
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4	-	4.996.058.000
Hazama Ando Corporation	5.956.406.062	5.427.143.039
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	9.069.927.356	8.606.611.356
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh	5.098.078.000	-
Các khách hàng khác	7.585.422.344	8.132.074.034
<b>Cộng</b>	<b>27.709.833.762</b>	<b>27.161.886.429</b>
<b>4. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	12.039.864.607	21.329.271.249
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	3.731.208.071	3.731.208.071
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thành Sen	1.566.500.000	3.133.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	669.344.400	2.333.176.350
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10	3.065.443.600	3.065.443.600
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Phoenix (*)	264.820.000	264.820.000
Các nhà cung cấp khác	2.742.548.536	8.801.623.228
<b>Cộng</b>	<b>12.039.864.607</b>	<b>21.329.271.249</b>
<b>Trong đó:</b>		
(*) Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	264.820.000	264.820.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho vay không xác định thời hạn Công ty Cổ phần CM Nha Trang (công ty liên kết) với lãi suất 7%/năm. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn kinh doanh cho công ty liên kết.

Chi tiết số phát sinh khoản cho vay trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	7.625.000.000	4.225.000.000
Cho vay	-	3.400.000.000
Thu gốc vay	(7.625.000.000)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>7.625.000.000</b>

### 6. Phải thu khác

#### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>978.364.646</b>	<b>-</b>	<b>1.520.672.258</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần CM Nha Trang				
- Lãi cho vay	-	-	547.973.612	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường – Tiền chi hộ	5.666.000	-	-	-
Công ty Cổ phần CM Thành Đông – Tiền chi hộ	1.698.646	-	1.698.646	-
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại – Tiền chi hộ	6.000.000	-	6.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Tú – Tạm ứng	965.000.000	-	965.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>49.467.488.835</b>	<b>(39.850.706.013)</b>	<b>46.428.047.465</b>	<b>(39.850.706.013)</b>
Dư thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.614.830.514	-	1.943.767.077	-
Tạm ứng	6.110.140.748	-	1.568.353.500	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.035.271.179	-	1.035.271.179	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	(21.540.049.741)	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	(5.700.000.000)	5.700.000.000	(5.700.000.000)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272	(12.610.656.272)	12.610.656.272	(12.610.656.272)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	856.540.381	-	2.029.949.696	-
<b>Cộng</b>	<b>50.445.853.481</b>	<b>(39.850.706.013)</b>	<b>47.948.719.723</b>	<b>(39.850.706.013)</b>

#### 6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 7. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng 100%.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	21.540.049.741
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	2.267.704.120	2.267.704.120
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	704.446.925	704.446.925
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	5.906.047.298	5.906.047.298
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	5.700.000.000
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272	12.610.656.272
Các khách hàng khác	146.350.000	146.350.000
<b>Cộng</b>	<b>48.875.254.356</b>	<b>48.875.254.356</b>

Công ty không phát sinh các khoản trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ.

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.210.367.473	-	3.233.930.703	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	50.871.948.508	-	56.026.381.921	-
Hàng hóa	-	-	6.606.817.412	-
<b>Cộng</b>	<b>61.082.315.981</b>	<b>-</b>	<b>65.867.130.036</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết theo các công trình, dự án như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Nậm Ngừm	5.805.265.687	4.375.735.924
Dự án Sông Bạc	21.361.631.990	21.361.631.990
Dự án KrongPack Thượng	10.569.627.854	3.134.563.763
Gói thầu XL1 kênh Linh Cảm - Ngàn Trươi	7.717.673.769	11.976.401.850
Gói thầu XL3 kênh Linh Cảm - Ngàn Trươi	5.417.749.208	7.536.497.784
Dự án Dầu Tiếng	-	2.137.822.354
Các dự án khác	-	5.503.728.256
<b>Cộng</b>	<b>50.871.948.508</b>	<b>56.026.381.921</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Chi phí trả trước

#### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.943.631.021	53.960.140
Chi phí sửa chữa	116.372.071	15.164.550
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	144.633.186	185.399.558
<b>Cộng</b>	<b><u>2.204.636.278</u></b>	<b><u>254.524.248</u></b>

#### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dịch vụ	36.196.211	62.087.680
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	110.641.812	74.505.420
Các chi phí trả trước dài hạn khác	84.569.721	30.879.285
<b>Cộng</b>	<b><u>231.407.744</u></b>	<b><u>167.472.385</u></b>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	29.545.774.389	7.924.530.999	493.181.575	37.963.486.963
Thanh lý, nhượng bán	-	(438.600.000)	-	(438.600.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>29.545.774.389</u></b>	<b><u>7.485.930.999</u></b>	<b><u>493.181.575</u></b>	<b><u>37.524.886.963</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	27.598.690.084	2.747.778.182	493.181.575	30.839.649.841
Chờ thanh lý	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	26.610.633.005	5.656.986.925	493.181.575	32.760.801.505
Khấu hao trong kỳ	1.304.114.531	573.965.532	-	1.878.080.063
Thanh lý, nhượng bán	-	(438.600.000)	-	(438.600.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>27.914.747.536</u></b>	<b><u>5.792.352.457</u></b>	<b><u>493.181.575</u></b>	<b><u>34.200.281.568</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	2.935.141.384	2.267.544.074	-	5.202.685.458
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.631.026.853</u></b>	<b><u>1.693.578.542</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.324.605.395</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 217.409.096 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	209.455.000	38.000.000	247.455.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>209.455.000</b>	<b>38.000.000</b>	<b>247.455.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	38.000.000	38.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	139.636.642	38.000.000	177.636.642
Khấu hao trong kỳ	10.472.748	-	10.472.748
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>150.109.390</b>	<b>38.000.000</b>	<b>188.109.390</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	69.818.358	-	69.818.358
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>59.345.610</b>	<b>-</b>	<b>59.345.610</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**12. Phải trả người bán****12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>36.025.698.998</b>	<b>36.010.717.026</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	27.845.558.240	27.830.576.268
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.593.435.048	2.593.435.048
Công ty TNHH CM Xây dựng	5.586.705.710	5.586.705.710
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>28.233.133.224</b>	<b>24.742.752.573</b>
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng <sup>(*)</sup>	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Thịnh Cường <sup>(*)</sup>	437.048.237	437.048.237
Công ty Cổ phần Xây dựng Bản Việt <sup>(*)</sup>	1.321.590.557	1.321.590.557
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát <sup>(*)</sup>	1.120.314.660	1.120.314.660
Công ty TNHH Xây dựng Hoài Anh	3.262.365.853	768.292.697
Các nhà cung cấp khác	16.052.987.965	15.056.680.470
<b>Cộng</b>	<b>64.258.832.222</b>	<b>60.753.469.599</b>
<i>Trong đó:</i>		
<sup>(*)</sup> Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	8.917.779.406	8.917.779.406

**12b. Phải trả người bán dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>13.964.903.233</b>	<b>13.337.806.187</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	1.453.601.500	1.453.601.500
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển C & D	1.525.978.959	2.425.978.959
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Nông nghiệp Hà Nội	2.087.478.820	1.835.737.890
Công ty TNHH Hòa Hiệp	1.588.606.000	1.588.606.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.979.182.278	2.979.182.278
Các nhà cung cấp khác	4.330.055.676	3.054.699.560
<b>Cộng</b>	<b>13.964.903.233</b>	<b>13.337.806.187</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	61.363.478.612	94.075.574.471
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh	25.500.000.000	48.500.000.000
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 8	35.251.000.000	43.828.000.001
Các khách hàng khác	612.478.612	1.747.574.470
<b>Cộng</b>	<b>61.363.478.612</b>	<b>94.075.574.471</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	8.387.277.698	(8.506.732.698)	-	119.455.000	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.097.193.367	-	(1.364.393.072)	-	267.199.705	
Thuế thu nhập cá nhân	717.326.327	-	-	717.326.327	-	
Thuế bảo vệ môi trường	-	94.740.905	(94.740.905)	-	-	
Phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>1.814.519.694</b>	<b>8.485.018.603</b>	<b>(9.968.866.675)</b>	<b>717.326.327</b>	<b>386.654.705</b>	

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.433.846.915)	(340.898.188)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	775.618.871	(3.593.335)
- Các khoản điều chỉnh tăng	842.388.559	199.573.684
Lãi phạt chậm nộp thuế, BHXH, các khoản phạt	101.375	50.000.000
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	9.000.000	99.000.000
Khấu hao TSCĐ xe ô tô trên 1,6 tỷ	-	25.073.684
Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền, phải thu cuối kỳ	76.572.183	-
Các khoản chi phí không hợp lệ khác	427.778.438	25.500.000
Các khoản điều chỉnh tăng khác	328.936.563	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(66.769.688)	(203.167.019)
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền, phải thu cuối kỳ	-	(80.744.077)
Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền, phải thu cuối năm trước	(16.622.320)	-
Các khoản điều chỉnh giảm khác	(50.147.368)	(122.422.942)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(3.658.228.044)</b>	<b>(344.491.523)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.786.423.913</i>	<i>6.761.109.990</i>
Chi phí lãi vay phải trả	25.313.923	-
Trích trước chi phí công trình	6.761.109.990	6.761.109.990
<b>Cộng</b>	<b>6.786.423.913</b>	<b>6.761.109.990</b>

#### 16. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Là giá trị khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng lắp đặt thiết bị tại Dự án thủy điện Nậm Ngùm 1 với Hazama Ando Corporation.

#### 17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là khoản phí quản lý hợp đồng nhận trước.

#### 18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>1.137.003.091</i>	<i>3.406.159.874</i>
Kinh phí công đoàn	248.189.807	613.021.117
Bảo hiểm xã hội	623.257.886	113.325.735
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tân Bình Mạnh - Các khoản thu hộ	10.067.000	2.121.457.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	255.488.398	558.356.022
<b>Cộng</b>	<b>1.137.003.091</b>	<b>3.406.159.874</b>

#### 19. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>	<i>8.698.471.321</i>	<i>8.698.471.321</i>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại <sup>(i)</sup>	2.074.471.321	2.074.471.321
Công ty Cổ phần CM Thành Đông <sup>(i)</sup>	6.624.000.000	6.624.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>27.160.284.756</i>	<i>1.209.566.093</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An <sup>(iii)</sup>	13.550.229.115	-
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 3 <sup>(iii)</sup>	13.610.055.641	1.209.566.093
<i>Vay cá nhân (Ông Phạm Văn Tùng) <sup>(i)</sup></i>	<i>1.455.207.000</i>	<i>1.958.207.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội)</i>	<i>-</i>	<i>25.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>37.313.963.077</b>	<b>11.891.244.414</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Là các khoản vay không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%/năm, không xác định thời hạn vay.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Thành An để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên với lãi suất 5,1%/năm, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Thành An (xem Thuyết minh V.2a).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 3 để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và quyền đòi nợ của các hợp đồng xây dựng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền vay			
	Số đầu năm	phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn bên liên quan	8.698.471.321	-	-	8.698.471.321
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.209.566.093	106.123.126.611	(80.172.407.948)	27.160.284.756
Vay ngắn hạn cá nhân	1.958.207.000	-	(503.000.000)	1.455.207.000
Vay dài hạn đến hạn trả	25.000.000	-	(25.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>11.891.244.414</b>	<b>106.123.126.611</b>	<b>(80.700.407.948)</b>	<b>37.313.963.077</b>

## 20. Vốn chủ sở hữu

### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	5.161.362.309	10.282.317.266	187.231.729.575
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	(340.898.188)	(340.898.188)
Trích lập các quỹ	-	-	230.926.990	(230.926.990)	-
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>172.000.000.000</b>	<b>(211.950.000)</b>	<b>5.392.289.299</b>	<b>9.710.492.088</b>	<b>186.890.831.387</b>
Số đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	5.392.289.299	8.929.060.477	186.109.399.776
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(4.433.846.915)	(4.433.846.915)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>172.000.000.000</b>	<b>(211.950.000)</b>	<b>5.392.289.299</b>	<b>4.495.213.562</b>	<b>181.675.552.861</b>

### 20b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	17.200.000	17.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

#### *Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	62.190,54	581,16
Euro (EUR)	291,61	344,18
Kíp Lào (LAK)	1.325.721,80	1.477.721,80
Baht Thái Lan (THB)	10.861,55	10.891,55

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.516.801.250
Doanh thu hợp đồng xây dựng	77.598.633.073	151.974.445.331
<b>Cộng</b>	<b>77.598.633.073</b>	<b>153.491.246.581</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	37.328.628
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	76.242.756.633	146.844.283.319
<b>Cộng</b>	<b>76.242.756.633</b>	<b>146.881.611.947</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn và trong đương tiền	153.959.082	95.034.630
Lãi từ tiền gửi có kỳ hạn khác	1.741.764.341	1.578.775.791
Lãi tiền cho vay	-	203.729.167
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	189.327.931	372.783.860
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	80.744.077
<b>Cộng</b>	<b>2.085.051.354</b>	<b>2.331.067.525</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	574.566.933	178.828.322
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	200.581.831	772.131.164
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	76.572.183	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.983.863.035	3.304.659.348
<b>Cộng</b>	<b>4.835.583.982</b>	<b>4.255.618.834</b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.720.934.347	2.763.828.319
Chi phí vật liệu quản lý	15.929.417	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.194.229	914.192.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.681.500	695.172.942
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	6.396.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.873.840.760	959.249.559
Các chi phí khác	2.588.000	124.900.731
<b>Cộng</b>	<b>4.785.168.253</b>	<b>5.463.739.867</b>

### 6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý vật tư, thiết bị	2.157.693.800	3.422.957.204
Lãi thanh lý tài sản cố định	72.727.273	423.643.341
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	72.727.273	636.363.636
- Giá trị còn lại tài sản cố định	-	(212.720.295)
Thu nhập từ tiền bồi thường bảo hiểm	994.710	2.448.715
Thu nhập khác	366	3.465
<b>Cộng</b>	<b>2.231.416.149</b>	<b>3.849.052.725</b>

### 7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi thanh lý vật tư	-	3.357.294.276
Các khoản phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	101.375	50.000.000
Chi phí khác	485.337.248	4.000.095
<b>Cộng</b>	<b>485.438.623</b>	<b>3.411.294.371</b>

### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.647.044.459	26.898.652.070
Chi phí nhân công	12.183.186.285	33.976.804.475
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.888.552.811	3.767.062.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.501.955.088	45.318.829.766
<i>Trong đó: Chi phí nhà thầu thuê ngoài</i>	<i>29.995.949.652</i>	<i>32.268.515.501</i>
Chi phí khác	652.752.830	26.028.052
<b>Cộng</b>	<b>75.873.491.473</b>	<b>109.987.377.359</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

#### Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền là lãi tiền gửi nhập gốc, số tiền 262.695.715 VND (kỳ trước: 283.959.408 VND).

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Tạm ứng cho Ông Kim Ngọc Nhân	300.000.000	50.000.000
Tạm ứng cho Ông Phạm Minh Phúc	200.000.000	-
Tạm ứng cho Ông Dương Ngọc Trường	-	5.000.000
Tạm ứng cho Ông Trần Văn Trung	-	1.991.000.000
Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	20.000.000	198.956.273

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Kỳ này</b>			
Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị	300.000.000	90.000.000	390.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	334.500.000	7.500.000	342.000.000
Ông Trần Văn Trung - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	178.500.000	7.500.000	186.000.000
Ông Lương Sơn Hùng - Ủy viên Hội đồng quản trị	-	9.000.000	9.000.000
Ông Dương Ngọc Trường - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	309.800.000	9.000.000	318.800.000
Bà Đinh Thị Thủy - Phó Tổng Giám đốc	255.000.000	-	255.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú - Phó Tổng Giám đốc	248.400.000	-	248.400.000
<b>Cộng</b>	<b>1.626.200.000</b>	<b>123.000.000</b>	<b>1.749.200.000</b>
<b>Kỳ trước</b>			
Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị	302.920.000	90.000.000	392.920.000
Ông Kim Ngọc Nhân - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	335.920.000	9.000.000	344.920.000
Ông Trần Văn Trung - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	102.232.273	9.000.000	111.232.273
Ông Lương Sơn Hùng - Ủy viên Hội đồng quản trị	-	9.000.000	9.000.000
Ông Dương Ngọc Trường - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	314.180.000	-	314.180.000
Ông Nguyễn Văn Phi - Ủy viên Hội đồng quản trị (đến 15/10/2020)	-	9.000.000	9.000.000
Bà Đinh Thị Thủy - Phó Tổng Giám đốc	259.380.000	-	259.380.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú - Phó Tổng Giám đốc	259.346.818	-	259.346.818
<b>Cộng</b>	<b>1.573.979.091</b>	<b>126.000.000</b>	<b>1.699.979.091</b>

### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Công ty con
Công ty Cổ phần CM Phan Thiết	Công ty con
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin	Công ty liên kết

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch khác với các bên liên quan.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.5, V.6, V.12a và V.19a.

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
<b>Kỳ này</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	69.309.255.203	8.289.377.870	77.598.633.073
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>69.309.255.203</b>	<b>8.289.377.870</b>	<b>77.598.633.073</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.347.590.441	(1.991.714.001)	1.355.876.440
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(4.785.168.253)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(3.429.291.813)
Doanh thu hoạt động tài chính			2.085.051.354
Chi phí tài chính			(4.835.583.982)
Thu nhập khác			2.231.416.149
Chi phí khác			(485.438.623)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>(4.433.846.915)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>158.870.909</b>	<b>-</b>	<b>158.870.909</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.737.305.970</b>	<b>136.500.846</b>	<b>1.873.806.816</b>
<b>Kỳ trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	99.343.361.390	54.147.885.191	153.491.246.581
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>99.343.361.390</b>	<b>54.147.885.191</b>	<b>153.491.246.581</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.588.693.376	(979.058.742)	6.609.634.634
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(5.463.739.867)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.145.894.767
Doanh thu hoạt động tài chính			2.331.067.525
Chi phí tài chính			(4.255.618.834)
Thu nhập khác			3.849.052.725
Chi phí khác			(3.411.294.371)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>(340.898.188)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>2.700.000</b>	<b>-</b>	<b>2.700.000</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.816.686.118</b>	<b>1.842.039.927</b>	<b>3.658.726.045</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

Số cuối kỳ	Khu vực nước ngoài		Cộng
	Khu vực trong nước	ngoài	
Tài sản trực tiếp của bộ phận	135.164.592.098	13.422.709.899	148.587.301.997
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			228.124.880.491
<b>Tổng tài sản</b>			<b>376.712.182.488</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	146.340.409.157	3.325.383.853	149.665.793.010
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			45.370.836.617
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>195.036.629.627</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	142.490.731.037	4.375.735.924	146.866.466.961
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			237.907.021.320
<b>Tổng tài sản</b>			<b>384.773.488.281</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	161.540.131.870	50.022.190	161.590.154.060
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			37.073.934.445
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>198.664.088.505</b>

## 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là lĩnh vực xây dựng, lắp đặt công trình.

## 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 23 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CMVIETNAM  
Q. BẮC TỪ LIÊM, TP. HÀ NỘI

Kim Ngọc Nhân



